

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GREEN POWER VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GREEN POWER VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN POWER VIET NAM TRADE AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109860229

**3. Ngày thành lập:** 16/12/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 8, Ngách 22, Ngõ 31 Đường Chùa Vẽ, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0878865588

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                               | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                            | 2819     |
| 2.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                              | 3312     |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                  | 3313     |
| 4.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                  | 3314     |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                  | 3319     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                   | 4321     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                   | 4322     |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                          | 4329     |
| 9.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                          | 4330     |
| 10. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                            | 9521     |
| 11. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                     | 9522     |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa) | 4610     |
| 13. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ hàng cấm)                | 4620     |
| 14. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                          | 4631     |
| 15. | Bán buôn thực phẩm                                                                                      | 4632     |
| 16. | Bán buôn đồ uống                                                                                        | 4633     |
| 17. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                   | 4634     |

|     |                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                          | 4641        |
| 19. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(trừ dược phẩm)                                                                                                                         | 4649        |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                            | 4652        |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                               | 4659        |
| 22. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                  | 4661        |
| 23. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ vàng)                                                                                                                             | 4662        |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                       | 4663        |
| 25. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                              | 4669        |
| 26. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ hàng cấm)                                                                                                                                           | 4690(Chính) |
| 27. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                       | 4711        |
| 28. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                            | 4719        |
| 29. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                             | 4721        |
| 30. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                              | 4722        |
| 31. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn<br>thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4741        |
| 32. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                     | 4742        |
| 33. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa<br>hàng chuyên doanh                                                                                            | 4751        |
| 34. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây<br>dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4752        |
| 35. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn<br>trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                | 4753        |
| 36. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất<br>tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được<br>phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 37. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng<br>chuyên doanh                                                                                                   | 4761        |
| 38. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng<br>chuyên doanh                                                                                                 | 4763        |
| 39. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                      | 4764        |
| 40. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các<br>cửa hàng chuyên doanh                                                                                           | 4771        |
| 41. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên<br>doanh<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                  | 4774        |
| 42. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                      | 4782        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 43. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)                                                     | 4791 |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
| 45. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                      | 4723 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Ho và tên: LÊ VĂN THANH

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 20/01/1993

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038093000120

Ngày cấp: 19/02/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL về cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *Thôn 6, Xã Hoạt Giang, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn 6, Xã Hoat Giang, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ VĂN THANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/01/1993

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038093000120

Ngày cấp: 19/02/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL về cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: *Thôn 6, Xã Hoạt Giang, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn 6, Xã Hoat Giang, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội